TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2021/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 03 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Đình D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Đình D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Đình D thỏa thuận thống

nhất như sau: Giao con chung tên là Nguyễn Đình G, sinh ngày 07 tháng 03 năm 2013 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Đình D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Nguyễn Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 75.000 *(Bảy mươi năm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình. Anh Nguyễn Đình D phải chịu 75.000 *(Bảy mươi năm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000569 ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị V được hoàn lại 150.000[đ] (*Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện C;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng